TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHONG ĐIỀN** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-01-2023
V/v tranh chấp
ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Sang

2/ Ông Bùi Văn Ba

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 193/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn*: Bà **Võ Thị Minh T**, sinh năm 1980. HKTT: x đường T1, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. Nơi đăng ký tạm trú: số x ấp T2, xã T3, huyện P, thành phố Cần Thơ – có mặt.

2/ *Bị đơn*: Ông **Trương Văn G**, sinh năm 1974. HKTT: x đường T1, phường A, quận B, thành phố Cần Thơ. Nơi đăng ký tạm trú: số x ấp T2, xã T3, huyện P, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Võ Thị Minh T ngày 25-10-2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trương Văn G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T4, huyện C, tỉnh Cần Thơ vào ngày 08 tháng 10 năm 2002.

Vợ chồng sống hạnh phúc được đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm và thường xuyên cải vã nhau, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn G.

Về con chung: vợ chồng chung sống có 02 con chung tên Trương Thị Quế A (nữ), sinh ngày 11/3/2004 và Trương Quốc A1 (nam), sinh ngày 10/3/2012. Cháu Quế A đã trưởng thành; còn cháu Quốc A1, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng. Bà không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn là ông Trương Văn G vắng mặt suốt trong quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản ý kiến nào cung cấp cho Tòa án.

Tại bản khai của cháu Trương Quốc A1 có ý kiến: Trường hợp, cha mẹ cháu không sống chung với nhau nữa thì cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án*: Bà Võ Thị Minh T có đơn khởi kiện đối với ông Trương Văn G về việc yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con. Bà T và ông G có đăng ký kết hôn nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn và nuôi con". Ông G có nơi cư trú tại ấp T2, xã T3, huyện P, thành phố Cần Thơ. Do đó, theo quy định khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Trương Văn G nhưng ông luôn vắng mặt không có ý kiến. Sau khi Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết theo

quy định của pháp luật nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt ông G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*: Bà Võ Thị Minh T và ông Trương Văn G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 241, quyển số II ngày 08-10-2002 tại Ủy ban nhân dân xã T4, huyện C, tỉnh Cần Thơ nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Xét thấy, mặc dù quan hệ hôn nhân của ông bà xác lập trên cơ sở tự nguyện, chung sống với nhau có thời gian dài hạnh phúc và có 02 con chung. Tuy nhiên, khi mâu thuẫn xảy ra ông bà không tìm cách tháo gỡ cho hài hòa mà để cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, thậm chí ly thân từ năm 2014 và từ đó đến nay ông bà không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Hơn nữa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, ông G luôn vắng mặt không có lý do nên Tòa án không thực hiện được phiên hòa giải đoàn tụ. Mặt khác, ông G cũng không có cung cấp ý kiến nào để phản bác yêu cầu đối với nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật dân sự quy định về quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình "*Quyền kết hôn, ly hôn*...". Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T, cho bà ly hôn với ông G là phù hợp.

[4] *Về con chung*: Ông bà chung sống có 02 con chung Trương Thị Quế A (nữ), sinh ngày 11/3/2004 và Trương Quốc A1 (nam), sinh ngày 10/3/2012. Cháu Quế A đã trưởng thành nên không xét. Còn cháu Quốc A1 đang sống với bà T và đang được bà T nuôi dạy tốt; hơn nữa, cháu Quốc A1 có ý kiến nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao cháu Quốc A1 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con nên không xét. Việc bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi con đó là quyền tự định đoạt của bà nhưng vẫn đảm bảo quyền cho ông G được thăm nom và chăm sóc con chung theo quy tại Điều 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[6] *Về tài sản chung*: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[7] *Về nợ chung*: Bà T xác định không có nhưng do ông G vắng mặt nên chưa làm rõ được. Trường hợp, sau này có tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ kiện khác.

[8] *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà T phải chịu 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] *Về quyền kháng cáo của các đương sự*: được thực hiện theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị Minh T được ly hôn với ông Trương Văn G.

Về con chung: Giao cháu Trương Quốc A1 (nam), sinh ngày 10-3-2012 cho bà T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu nên không xét.

Dành quyền thăm nom và chăm sóc con chung cho ông G theo quy định pháp luật, không ai có quyền ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con sau này khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

2/ Về Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0007593 ngày 28-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Bà T đã nộp xong án phí.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với bị đơn, các đương sự được quyền kháng cáo.

4/ Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Lê Văn Lo

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- UBND xã T4, H. , tỉnh Hậu Giang (để vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.